

Nội dung bài viết

1. [Giải vở bài tập Tiếng Việt lớp 2 trang 19: Chính tả](#)

Giải vở bài tập Tiếng Việt lớp 2 trang 19: Chính tả

Câu 1: Điền *ia* hoặc *ya* vào chỗ trống:

t... nắng, đêm khu..., cây m...

Lời giải chi tiết:

tia nắng, đêm khuya, cây mía

Câu 2:

a) Viết vào chỗ trống từ chứa tiếng có âm đầu **l** hoặc **n**:

- Chỉ vật đội trên đầu để che mưa nắng :

- Chỉ con vật kêu ùn ùn :

- Có nghĩa là *ngại làm việc* :

- Trái nghĩa với *già* :

b) Viết vào chỗ trống từ chứa tiếng có vần **en** hoặc **eng**:

- Chỉ đồ dùng để xúc đất :

- Chỉ vật dùng để chiếu sáng :

- Trái nghĩa với *chê* :

- Cùng nghĩa với *xấu hổ (mắc cỡ)* :

Lời giải chi tiết:

a) Viết vào chỗ trống từ chứa tiếng có âm đầu **l** hoặc **n**:

- Chỉ vật đội trên đầu để che mưa nắng : **nón**

- Chỉ con vật kêu ùn ùn : **lợn**

- Có nghĩa là *ngại làm việc* : **lười**

- Trái nghĩa với *già* : **non**

b) Viết vào chỗ trống từ chứa tiếng có vần **en** hoặc **eng**:

- Chỉ đồ dùng để xúc đất : **xẻng**

- Chỉ vật dùng để chiếu sáng : **đèn**

- Trái nghĩa với *chê* : **khen**

- Cùng nghĩa với *xấu hổ* (*mắc cỡ*) : **thẹn**